

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21 - 7 - 2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tuấn và ông Trần Ngọc Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hải Long – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2022/ TLST – HNGĐ ngày 20/5/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 20/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị N, sinh năm: xxxx; nơi đăng ký thường trú: xóm P, xã Đào X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nơi ở hiện tại: tổ B, khu T, phường C1, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* anh Trần Thanh L, sinh năm: xxxx; nơi cư trú: tổ B, khu T, phường C1, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời tự khai và đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N đều trình bày: chị và anh Trần Thanh L có thời gian tìm hiểu nhau 05 năm, trong thời gian này chị đã mang thai con chung rồi mới đi đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND phường C vào năm 2017, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị về sống với bố mẹ chồng ở tổ B, khu T, phường C1, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống chung của anh chị từ sau kết hôn chỉ hạnh phúc được một năm đầu đến năm 2018 thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L có quan hệ tình cảm với người khác, không quan tâm đến gia đình và chăm sóc cho con. Chị cũng đã nói chuyện với anh L nhiều lần để vợ chồng hàn gắn tình cảm cũng như để anh L thay đổi quay về chăm sóc cho vợ con nhưng anh L không đồng ý. Sau này chị còn phát hiện anh L nợ nần rất nhiều, mục đích vay tiền để dùng chất kích thích khiến chị thấy chán nản và thất vọng. Chị đã nhờ hai bên gia đình tác

động, phân tích để mong anh L thay đổi nhưng chỉ được một thời gian ngắn anh L lại tiếp tục mối quan hệ với người phụ nữ khác khiến chị không còn tin tưởng vào tình cảm của anh L, anh chị thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau khiến không khí gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, chị không thể tiếp tục chung sống với anh L được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, căng thẳng, không thể khắc phục được nên chị đã quyết định sống ly thân anh L từ năm 2019, chị chuyển ra nhà trọ ở tại tổ 7, khu Thống Nhất, phường C1, thành phố C để ở. Trong thời gian sống ly thân chị và anh L thỉnh thoảng gặp nhau để hỏi thăm về con chung và cũng có lần nói chuyện về đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả. Anh L không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, đến nay chị xác định không còn tình cảm dành cho anh L nữa, mâu thuẫn không thể khắc phục được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: chị và anh Trần Thanh L có 01 con chung là Trần Lương Q, sinh ngày xx/x/xxxx, từ khi sống ly thân con chung đã ở cùng với chị, hiện con chung còn nhỏ nên cần được sự quan tâm chăm sóc của chị, để đảm bảo sự phát triển của con chung nên khi ly hôn đề nghị Tòa án giao con chung cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con vì trong thời gian chung sống anh L cũng không quan tâm đến con, anh L không có việc làm nên thu nhập không ổn định. Hiện nay chị đi bán hàng thuê có thu nhập bình quân từ 6 - 7 triệu đồng/tháng nên đảm bảo được các điều kiện nuôi dưỡng con chung. Anh L được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản và công nợ chung: không có.

* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – anh Trần Thanh L nhiều lần nhưng anh L cố tình vắng mặt do vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh L, anh L không có quan điểm gì về quan hệ hôn nhân, về con chung cũng như tài sản và công nợ chung.

* Trong quá trình xác minh thu thập chứng cứ, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Trần Văn P và bà Đỗ Thị H (là bố mẹ đẻ của anh Trần Thanh L), lời khai của ông P và bà H cụ thể như sau: chị N là con dâu của ông bà, sau khi kết hôn vào năm 2017, anh L và chị N về chung sống với gia đình ông bà, hai anh chị hạnh phúc cho đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh L còn ham chơi, chưa quan tâm đến gia đình và còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, ông bà cũng đã khuyên bảo, tác động nhưng anh L không thay đổi. Vì lý do đó mà các con của ông bà thường xuyên cãi vã, gây mâu thuẫn gia đình khiến vợ chồng không còn tình cảm dành cho nhau. Bản thân chị N cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng trong thời gian ngắn mâu thuẫn lại xảy ra khiến không khí gia đình căng thẳng, mệt mỏi. Từ năm 2019 cả hai con của ông bà đã sống ly thân, chị N chuyển đi thuê nhà nơi khác để sinh sống, gia đình cũng nỗ lực hòa giải nhưng không có kết quả. Khi chị N nộp đơn đến Tòa án ông bà cũng nói chuyện với anh L nhưng cả hai anh chị vẫn giữ ý định ly hôn nhau. Các giấy tờ của Tòa án gửi cho anh L ông bà đều nhận hộ và gửi cho anh L nhưng do công việc bận rộn nên anh L không xin nghỉ được và cũng không muốn gặp gỡ chị N nên không đến Tòa án giải

quyết vụ án. Đến nay chị N xin ly hôn, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị N để cả hai con của ông bà ổn định cuộc sống. Về con chung: chị N và anh L có 01 con chung là Trần Lương Q, sinh ngày xx/x/xxxx, khi ly hôn ông bà đề nghị Tòa án giao cho chị N được nuôi dưỡng con chung vì hiện tại cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn, gia đình ông bà sẽ hỗ trợ thêm cho chị N nuôi dưỡng cháu Q. Chị N đi làm có thu nhập ổn định đảm bảo nuôi dưỡng con chung phát triển tốt. Về tài sản và công nợ chung không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điều 51, 237 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các điều 71, 72, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự tuy nhiên bị đơn không chấp hành quy định, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, chị N được ly hôn với anh L. Chị N được nuôi dưỡng con chung, anh L không phải cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị N yêu cầu xin ly hôn với Trần Thanh L hiện cư trú tại địa bàn thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Trần Thanh L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án nhân dân thành phố C đã tổng đạt hợp lệ cho anh L nhưng anh L cố tình không tham gia tố tụng theo quy định và cũng không có người đại diện tham gia tại phiên tòa; chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn có đơn xin xử án vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Thanh L là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường C1, thành phố C vào năm 2017. Sau kết hôn anh chị về sống với bố mẹ chồng ở tổ 7, khu Thống Nhất, phường C1, thành phố C. Cuộc sống chung theo chị N trình bày thì từ sau kết hôn chỉ hạnh phúc được một năm đầu đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L còn ham chơi, không có trách nhiệm

với gia đình, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã khiến không khí gia đình luôn căng thẳng, nặng nề. Chị N cũng đã áp dụng mọi biện pháp để khắc phục mâu thuẫn gia đình nhưng không đạt kết quả. Bản thân anh L khi được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án cũng không đến để tham gia tố tụng, chứng tỏ anh L cũng không thiện chí hoặc trách nhiệm trong việc giải quyết mâu thuẫn, không có biện pháp tích cực để vợ chồng về đoàn tụ nên chị N xin ly hôn là hoàn toàn có căn cứ. Lời khai về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của chị N cũng phù hợp với lời khai của ông Trần Văn Phong và bà Đỗ Thị Hương là bố mẹ đẻ của anh L, phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh L.

* Về con chung: chị Nguyễn Thị N và anh Trần Thanh L có 01 con chung là Trần Lương Q, sinh ngày xx/x/xxxx, vì con chung còn nhỏ, từ khi sống ly thân con chung của anh chị cũng đã được chị N nuôi dưỡng, khi ly hôn chị N cũng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con chung. Bố mẹ đẻ của anh L cũng đề nghị Tòa án giao con chung cho chị N được nuôi dưỡng, đại diện khu phố nơi anh chị cư trú cũng có quan điểm “.....con chung còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn và chị N cũng có công việc ổn định nên đảm bảo điều kiện tốt nhất chăm sóc cho con. Bản thân anh L thường xuyên đi làm, không có nhiều thời gian chăm sóc con, vì vậy tôi đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của chị N....”. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh L không chấp hành pháp luật, không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên không có quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn, quan điểm của chị N cũng phù hợp với quan điểm của bố mẹ đẻ anh L và đại diện khu phố. Xét thấy yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị N là chính đáng, chị N cũng có thu nhập ổn định nên đảm bảo được việc nuôi dưỡng con chung phát triển tốt. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao con chung Trần Lương Quân cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp và cũng đảm bảo được các điều kiện cho sự phát triển cho con chung của anh chị. Do chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét; anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

* Về tài sản và công nợ chung: không có.

[3] Về án phí: chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Thanh L.

2. Về con chung: giao con chung là Trần Lương Q, sinh ngày xx/x/xxxx cho chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Trần Thanh L không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp ngày xx/x/xxxx theo biên lai số: xxxxxxx tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho biết: các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND phường C1;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quýnh

